

XU HƯỚNG XƯNG HÔ THEO THÂN TỘC TRONG GIAO TIẾP BÊN NGOÀI GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI VIỆT

Mai Thị Minh Thuy

Theo tác giả Phan Hồng Liên, trong bài viết “**Thảo luận thêm về “nghị thức lời nói” trong văn hóa giao tiếp**”, tùy theo hoàn cảnh giao tiếp mà tiếng Việt thường dùng các phương tiện sau đây để xưng hô.

Kiểu 1: Xưng hô bằng danh từ thân tộc.

Kiểu 2: Xưng hô bằng từ chỉ chức nghiệp.

Kiểu 3: Xưng hô bằng đại từ hoặc từ chuyên dùng xưng hô.

Kiểu 4: Xưng hô bằng tên riêng.

Những kiểu 1 vẫn được lựa chọn để dùng nhiều hơn cả.

Cụ thể như sau:

Kiểu 1: Các danh từ thân tộc chia thành 3 nhóm:

Nhóm thứ nhất gồm những từ mang sắc thái địa phương như: *u, bầm, bủ, tía, ba, má* v.v...

Nhóm thứ hai gồm các từ: *anh, chị, em, chú, bác, cha, mẹ, cháu, con* v.v...;

Nhóm thứ ba gồm các cụm từ chỉ quan hệ thân tộc: *anh họ, chị họ, ông nội, bà nội, chị dâu, em rể* v.v...

Đáng lưu ý là: chỉ những từ thuộc nhóm thứ nhất và nhóm thứ 2 mới dùng để xưng hô; nhóm thứ 3 không thể dùng để xưng hô được. Nhưng nhóm thứ nhất không dùng để miêu tả quan hệ, nhóm thứ 3 chỉ dùng để miêu tả quan hệ, nhóm thứ 2 vừa dùng để miêu tả vừa dùng để xưng hô.^[2]

Qua đó chúng ta phần nào thấy được sự đa dạng và phức tạp trong hệ thống xưng hô của tiếng Việt, khiến cho những người mới tiếp cận

và học tiếng Việt rất khó khăn khi sử dụng những từ xưng hô này trong giao tiếp ở nhiều hoàn cảnh cụ thể khác nhau. Theo tác giả Huỳnh Công Hiền, người có nhiều kinh nghiệm giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, trong bài viết “**Phân tích và dạy cho các học viên người nước ngoài về các từ xưng hô trong Tiếng Việt**”, những học viên người nước ngoài rất thường xuyên hỏi những câu liên quan đến các từ dùng để xưng hô, đại loại như: “*sao người đó gọi em là cháu và xưng là chú*”, “*khi đi mua sắm ở chợ, chủ tiệm là một phụ nữ khoảng 50 tuổi, em nên xưng hô như thế nào*” hoặc có nhiều người nhiều năm sống và làm việc ở Việt Nam nhưng khi lần đầu tiên giao tiếp với một đối tượng mới thì rất lúng túng, không biết nên xưng hô như thế nào cho phù hợp. Những đặc điểm này trong văn hóa giao tiếp của người Việt quả thật rất khác lạ so với cách xưng hô của người nước ngoài.

Tại sao việc xưng hô trong tiếng Việt lại có những đặc điểm này?

Theo Trần Ngọc Thêm, văn hóa Việt Nam là văn hóa gốc nông nghiệp, tính cộng đồng và tính tôn ti được thể hiện rất rõ nét. Những đặc điểm nêu trên của việc xưng hô trong tiếng Việt được biểu hiện dựa vào ba đặc điểm: thứ nhất, do người Việt trọng tình cảm, có tính chất thân mật hóa, coi mọi người trong cộng đồng như bà con họ hàng trong một gia đình; thứ hai, có tính chất cộng đồng hóa cao – trong hệ thống này, không có những từ xưng hô chung chung mà phụ thuộc vào tuổi tác, địa vị và xã hội, thời gian, không gian giao tiếp cụ thể; thứ ba, thể hiện tính tôn ti kỹ

lưỡng, người Việt Nam xưng và hô theo nguyên tắc xưng khiêm hô tôn (gọi mình thì khiêm nhường, còn gọi đối tượng giao tiếp thì tôn kính).^[3]

Theo tác giả Phan Hồng Liên, trong xã hội Việt Nam ngày trước, *Bạch đình* là người chỉ có tên mà không có tư cách gì hoặc chức nghiệp gì đáng nể trong xã hội, là tầng lớp bị coi thường nhất trong xã hội. Dấu hiệu của thân phận *bạch đình* thể hiện trong giao tiếp là người ta chỉ dùng một mình tên hoặc với hai từ *thằng, con* đặt ở trước để gọi hay để hô. Rất sợ bị coi là *bạch đình* cho nên trước 1945 người có đôi chút tiền của phải lo mà mua cho được một chức danh trong làng. *Mua nhiều, mua xã* là vì vậy. Khi đã thoát khỏi thân phận *bạch đình* thì cái từ *thằng* đứng trước tên riêng trước đây (*thằng Chí*) sẽ được thay bằng các từ *anh, ông* v.v... Đây là lí do để thấy tất cả các phương tiện xưng hô trong tiếng Việt trừ đại từ khi xưng hô bao giờ cũng có một từ thân tộc đứng trước: *cụ phán, ông tham, anh cử, anh tú, ngài giám đốc... anh Ngọc, anh Quân, cô Tỉnh* v.v.. Nên chú ý có những từ chức nghiệp có thể xưng hô mà không cần có danh từ thân tộc ở trước như *giáo sư, thầy (thưa giáo sư, thưa thầy)*... Các danh từ chức nghiệp khác, muốn được dùng để xưng hô nhất thiết phải có từ thân tộc: *anh trưởng phòng, chị kế toán trưởng, ông hiệu trưởng (thưa ông hiệu trưởng)* v.v...^[4]

Theo tác giả Lương Thị Hiền, *Tạp chí Khoa học – ĐHSPT Hà Nội, số 12 (2007)*, mỗi nền văn hoá có một hệ thống giá trị văn hóa riêng. Trong đó, sự phân cấp quyền lực (power hierarchy) chỉ mức độ phân

bố và chấp nhận quyền lực theo định chế trong các tổ chức có thứ bậc như trong gia đình (bố mẹ và con cái), ở trường (thầy và trò), ở nơi làm việc (chủ và thợ), ở trong các hình thức tổ chức chính trị tập trung hoặc phân chia quyền lực... Sự bất bình đẳng quyền lực là nhân tố nền tảng trong bất cứ xã hội nào, và các mối quan hệ quyền lực khác nhau trong xã hội đã điều chỉnh các quyết định lựa chọn các phương tiện xưng hô ở những cách thức và mức độ khác nhau. Và do đó, *phân tích hiện tượng ngôn ngữ xưng hô còn có thể tiết lộ những mối quan hệ quyền lực hay quan hệ bất bình đẳng được ẩn giấu trong quá trình xã hội.*^[5]

Việc xưng hô theo thân tộc ở bên ngoài gia đình của người Việt còn vì đạt được mục đích trong giao tiếp, các đối tượng giao tiếp sử dụng những từ xưng hô này nhằm rút ngắn khoảng cách với nhau, do đó ở những hoàn cảnh cụ thể, hợp lý có thể tạo lập tình cảm với đối phương.

Một số cứ liệu nêu trên, phần nào thấy được nguyên nhân tại sao trong tiếng Việt lại phổ biến việc xưng hô theo thân tộc trong giao tiếp bên ngoài phạm vi gia đình, gia tộc. Thế thì biểu hiện của nó như thế nào mà được xem như một đặc điểm nổi bật, khác biệt với văn hóa giao tiếp của các nền văn hóa khác.

2. Biểu hiện của việc xưng hô theo thân tộc trong giao tiếp bên ngoài phạm vi gia đình của người Việt:

Theo tác giả Hoàng Kim Ngọc, trong bài viết **"Từ xưng hô và văn hóa giao tiếp"** có trình bày: Nếu như trước đây ngôn ngữ của giới công chức Việt Nam chỉ quanh quẩn trong vài ba từ *thủ trưởng, cán bộ, đồng chí* thì nay với sự phát triển của xã hội và sự giao thoa về ngôn ngữ, có thể nói thế giới ngôn ngữ văn phòng phong phú hơn bao giờ hết. Sự phong

phú này biểu hiện ở nhiều khía cạnh, đặc biệt là sự lên ngôi của ngôn ngữ gia đình.^[6]

Các từ xưng hô theo thân tộc như *cụ, ông, bà, chú, bác, cô, dì, anh, chị, em, ...* được sử dụng trong giao tiếp bên ngoài phạm vi gia đình rất phổ biến ở rất nhiều địa điểm và hoàn cảnh.

Người Việt khi giao tiếp bên ngoài phạm vi gia đình, gia tộc của mình vẫn thường sử dụng những từ xưng hô theo thân tộc. Với các đối tượng khác nhau sẽ có những cặp từ xưng hô tương ứng, tùy thuộc vào hoàn cảnh thực tế. Tự trung lại gồm các đối tượng, nếu trong tiếng Anh dùng những từ dùng chung cho nhiều đối tượng như "Mr" - dành cho đàn ông, "Mrs" - dùng cho phụ nữ đã có gia đình và "Miss" - dùng cho phụ nữ chưa lập gia đình, thì trong giao tiếp tiếng Việt, dựa vào độ tuổi và giới tính của đối tượng có thể phân nhóm như sau: nếu đối tượng giao tiếp gần tuổi với ông bà người đang xưng thì gọi là *ông/bà*, lớn tuổi hơn cha thì gọi là *bác*, nhỏ tuổi hơn cha thì gọi là *chú/cô/dì*, bằng và lớn tuổi hơn thì gọi là *anh/chị*, nhỏ hơn tuổi thì gọi là *em* (gọi bằng *con/cháu* nếu người gọi lớn tuổi hơn nhiều so với đối tượng được gọi). Chúng ta có thể dẫn ra một số trường hợp cụ thể như sau: Một người muốn hỏi đường với một đối tượng là nam, lớn tuổi, họ thường nói *"bác cho con/ cháu hỏi đường đi đến bưu điện ạ?"*. Thư ký của một công ty đến gặp cấp trên của mình trình ký công văn có thể nói *"chú ký giúp cháu hợp đồng này ạ"*. Đồng nghiệp trong công sở rất phổ biến gọi nhau là *anh/chị* xưng *em, chú/cô* xưng *cháu/con*, gọi *em* xưng *anh/chị*, gọi *cháu/con* xưng *chú/cô, ...* Bệnh nhân xưng với bác sĩ là *em/con*, nhân viên trong cửa hàng/ công ty xưng với khách bằng *em/con/ cháu, ...* còn rất nhiều kiểu xưng hô

tương tự ở những hoàn cảnh và đối tượng cụ thể khác nhau. Những kiểu xưng hô như vậy không chỉ là một hiện tượng văn hóa phổ biến mà còn là một đặc điểm phân biệt trong văn hóa giao tiếp của người Việt với các dân tộc khác trên thế giới.

Từ những trình bày và phân tích trên, liệu việc xưng hô theo thân tộc trong giao tiếp bên ngoài phạm vi gia đình, gia tộc của người Việt có phải là hoàn toàn tích cực và là nét văn hóa đẹp của người Việt Nam không? Chúng ta thử xét đặc điểm này với những hệ quả của nó trong các hoạt động giao tiếp.

3. Những ảnh hưởng của việc xưng hô theo thân tộc trong giao tiếp bên ngoài phạm vi gia đình của người Việt:

Theo tác giả Phan Hồng Liên, có thể nêu ra một vài nhân tố chi phối việc dùng các từ xưng hô trong giao tiếp như: Xưng hô phải thể hiện được vai giao tiếp. Xưng hô phải thể hiện cho được quan hệ quyền uy. Ở Việt Nam, tuổi tác có áp lực mạnh so với sự khác biệt về vị thế xã hội. Người già có quyền xưng hô với người có địa vị xã hội trên mình bằng các từ xưng hô thân cận, còn người có địa vị xã hội cao phải xưng hô đúng mức với người già cho dù mình làm chức gì đi nữa. Xưng hô không tôn trọng người già bị xem là "hỗn", là thiếu văn hoá.^[7]

Người Việt truyền thống trọng tình cảm và trọng tôn ti, trong cách giao tiếp thể hiện rõ vai vế của các đối tượng và thể hiện sự tôn kính lẫn nhau. Cách xưng hô theo thân tộc trong các hoàn cảnh ngoài gia đình thể hiện tinh thần gắn kết cộng đồng cao, xem mọi người như người thân trong gia đình, rút ngắn khoảng cách và dễ tạo lập tình cảm giữa các đối tượng giao tiếp. Ngoài ra, văn hóa giao tiếp nơi công sở theo truyền thống như tôn trọng tuổi tác, thâm

niên, chức vụ thì việc xưng hô theo thân tộc thể hiện sự lễ phép và lịch sự, đây là một yếu tố tích cực. Trong một công ty, mặc dù là người quản lý, nhưng nếu trẻ tuổi mà gọi là *chú/bác/anh* xưng là *em/cháu* đối với những nhân viên có thâm niên và cao tuổi sẽ thể hiện được sự tôn trọng trong giao tiếp, đây cũng là một hình thức khuyến khích và tạo lập quan hệ gần gũi, gắn bó với nhân viên, tạo môi trường thân tình trong công việc.

Bên cạnh, việc thể hiện được truyền thống văn hóa tốt đẹp trọng tình cảm của người Việt thì việc xưng hô theo thân tộc trong giao tiếp ngoài phạm vi gia đình thể hiện rất nhiều vấn đề bất cập rất đáng lưu tâm. Đơn cử như nhân viên gọi thủ trưởng cơ quan là chú xưng cháu (anh – em) đã gia cố tính cách gia trưởng trong quản lý của vị thủ trưởng này. Điều này dễ tạo ra việc điều hành cơ quan một cách bảo thủ, cảm tính mà không chú ý tính công bằng. Mặt khác, khi muốn phê bình thủ trưởng, các nhân viên gặp trở ngại là phận em út, con cháu không tiện phê bình trưởng bối, cha chú của mình, dẫn đến tình trạng vị nể, thiếu khách quan trong phê bình, hạn chế không thể khắc phục một cách triệt để, hình thành một văn hoá công sở kiểu gia tộc, tùy tiện và trì trệ. Vì thế, thật khó xây dựng một ý thức tự tôn, tự cường của dân tộc trên cái nền nhân xưng em – anh, cháu – chú; cũng thật khó tạo nên ý thức bình đẳng trước pháp luật, quy chế cơ quan trên cái nền tôn ti gia đình của ngôn ngữ giao tiếp nơi công sở.

Trong các trường hợp nhân viên hay quản lý trong các cơ quan, công sở có sai phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao, nếu với cách xưng hô theo thân tộc như thế sẽ rất khó xử lý một cách công tâm, đúng nguyên tắc vì qua cách xưng hô, mọi người trong cùng cơ quan

nghĩ nhau là người thân trong gia đình, rất dễ dẫn đến tình trạng thiên vị, vị nể, gây cản trở việc tuân thủ nội quy và các nguyên tắc bình đẳng.

Theo tác giả Hoàng Kim Ngọc, cách xưng hô này tuy tạo được môi trường giao tiếp thân thiện ấm áp nhưng gần đây một số công ty Việt lạm dụng ngôn ngữ gia đình, xưng hô suông sã không đúng nơi đúng lúc làm mất đi vẻ đẹp nơi công sở. Các công ty chuyên nghiệp và các công ty nước ngoài rất phản cảm với kiểu giao tiếp thân tộc này.^[8]

Việc xưng hô theo thân tộc trong văn hóa giao tiếp của người Việt thể hiện được nét riêng của dân tộc mình. Nó bộc lộ những ưu điểm, tuy nhiên cũng tồn tại nhiều hạn chế, nhất là trong giai đoạn hiện nay.

Kết luận

Văn hóa giao tiếp của người Việt có sự biến đổi qua nhiều giai đoạn của lịch sử, tuy nhiên vẫn thể hiện được truyền thống tốt đẹp là trọng tình cảm qua nhiều thế hệ. Vấn đề này được thể hiện khá rõ nét trong hệ thống xưng hô phong phú, đặc biệt là kiểu xưng hô theo thân tộc.

Xưng hô theo thân tộc ngoài phạm vi gia đình nêu lên được sự gắn kết cộng đồng, tính trọng tuổi tác, vai vế, thể hiện được sự tôn trọng, kính trọng, tính tôn ti giữa các đối tượng trong văn hóa giao tiếp. Tuy nhiên, nó cũng biểu hiện nhiều mặt hạn chế như gây khó khăn trong việc giao tiếp bằng tiếng Việt của người nước ngoài, gây cản trở việc thực hành các nguyên tắc bình đẳng, hoạt động phê bình và xử lý sai phạm trong các cơ quan, công sở,...

Từ những ưu điểm và hạn chế nêu trên, cho thấy nếu khắc phục được những biểu hiện bất ổn nằm bên ngoài phạm vi gia đình, gia tộc thì sẽ nêu lên được những giá trị tốt đẹp của nó. Suy xét cẩn thận, ta thấy ngay

bản thân cách xưng hô này không hoàn toàn chứa đựng những hạn chế mà hạn chế nằm ngay trong cách nghĩ, cách làm của mỗi cá nhân.

Mỗi người nên lựa chọn cách xưng hô thích hợp cho từng trường hợp cụ thể, không quá lạm dụng cách xưng hô theo thân tộc bên ngoài phạm vi gia đình, nhưng vẫn phải đảm bảo sự lịch sự, tôn trọng, đúng với chuẩn mực của xã hội.

Xưng hô theo thân tộc trong giao tiếp ngoài phạm vi gia đình của người Việt thể hiện khá rõ nét đặc sắc trong văn hóa giao tiếp, đóng góp vào sự đa dạng và phong phú của văn hóa Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam. Nxb. Giáo Dục, 1999
2. Thảo luận theo về “nghị thức lời nói” trong văn hóa giao tiếp. <https://data.ulis.vnu.edu.vn/jspui/bitstream/.../1/LIÊN%20Phan%20Hồng.doc>
3. Tìm hiểu giá trị văn hóa- quyền lực được đánh dấu bằng hành vi xưng hô trong giao tiếp gia đình người Việt. http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=4151%3Atim-hieu-gia-tri-vn-hoa-quyn-lc-c-anh-du-bng-hanh-vi-xng-ho-trong-giao-tip-gia-inh-ngi-vit&catid=71%3Angon-ng-hc&Itemid=107&lang=en
4. Từ xưng hô và văn hóa giao tiếp. <http://huc.edu.vn/vi/spct/id132/TU-XUNG-HO-VA-VAN-HOA-GIAO-TIEP/>
5. Giao tiếp ứng xử văn hóa trong đời sống gia đình. http://www.svhttdl.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/giao-duc-doi-song-gia-dinh?p_p_id=EXT_ARTICLEVIEW&p_p_lifecycle=0&p_p_col_id=column1h&p_p_col_count=1&_EXT_ARTICLEVIEW_groupId=16&_EXT_ARTICLEVIEW_articleId=32524&_EXT_ARTICLEVIEW_version=1.0&_EXT_ARTICLEVIEW_redirect=%2Fweb%2Fguest
6. Về thủ ngôn ngữ thân tộc trong giao tiếp công sở. http://www.vanchinh.net/index.php?view=article&catid=38%3Atiu-lun-i-thoi&id=470%3Av-th-ngon-ng-than-tc-trong-giao-tip-cong-s&tmpl=component&print=1&page=&option=com_content